

LƯỢC KHẢO VỀ THƯ VIỆN CÔNG VIỆT NAM THỜI PHONG KIẾN

NGUYỄN TÔ LAN*

Thư tịch kí tái thành tựu phát triển của mỗi dân tộc và là một trong những nguồn tư liệu quý giá bên cạnh bằng chứng về dân tộc học, khảo cổ học để phục dựng diện mạo dân tộc đó. Cũng như vậy, thư tịch Hán Nôm - sách vở được biên soạn bằng chữ Hán và chữ Nôm của người Việt Nam là bộ phận quan trọng trong văn hiến của dân tộc Việt Nam. Hệ thống thư tịch này chuyên chở văn hóa Việt Nam thời phong kiến với hơn 10 thế kỉ có số lượng đồ sộ và nội dung phong phú. Từ khi đất nước bước vào kỉ nguyên độc lập sau 1000 năm Bắc thuộc cho đến nay, dân tộc Việt Nam đã đời này qua đời khác nối tiếp nhau tiến hành các hoạt động sưu tầm, thu thập, lưu trữ, nhân bản, phân loại... thư tịch Hán Nôm hồng bảo vệ và lưu truyền kho di sản này của dân tộc. Các thư viện đã được xây dựng cũng với mục đích như vậy, dù trong giai đoạn đầu của thời phong kiến Việt Nam nhiều khi mới chỉ dừng ở quy mô nhỏ như những kho sách, kho ván khắc in sách...

Có một hiện thực là, dù việc lưu trữ thư tịch cũng như xây dựng các thư viện được nối tiếp một cách khá liên tục qua các triều đại nhưng một phần do hạn chế của hoàn cảnh lịch sử mà đi tích cơ sở lưu trữ cũng

như những ghi chép về những cơ sở này là khá ít ỏi, nhất là những kho sách của cá nhân hoặc ở quy mô nhỏ như của tỉnh, huyện... Vì vậy, trong bài viết này chúng tôi chỉ mong muốn cung cấp một số thông tin nhằm phác thảo lên một diện mạo cơ bản về kho lưu trữ thư tịch dưới chế độ phong kiến của Việt Nam - một nước "thực vi văn hiến chi bang" (1).

Theo quan điểm được nhiều học giả Trung Quốc tán đồng thì "Thư viện được sinh ra đầu tiên vào đời Đường trong tổ chức giáo dục văn hóa của các sĩ nhân Trung Quốc, nó bắt nguồn từ dân gian và quan phủ, nó là kết quả tất nhiên của việc sau khi đã có một số lượng lớn sách vở được lưu thông trong xã hội, số lượng người đọc sách không ngừng tăng trưởng về số lượng, các hoạt động triển khai xung quanh thư tịch bao gồm tàng thư, hiệu thư, tu thư, trước thư, khắc thư, đọc thư, giáo thư... của việc tiến hành tích lũy văn hóa, nghiên cứu, sáng tạo và truyền bá" (2). Như vậy, ở Trung Quốc, thư viện được coi như là một tổ chức hoạt động giáo dục văn hóa bao gồm một tổ hợp các hoạt động liên quan đến thư tịch. Trong khi đó, học giả phương Tây lại quan niệm thư viện là nơi tàng trữ

* Th.S. Viện Nghiên cứu Hán Nôm

thư tịch: “Danh từ thư viện xuất phát từ chữ Hy Lạp Biblio - là sách, thêka - bảo quản. Vậy thuật ngữ “thư viện” do hai chữ: thư là sách, viện là nơi bảo quản sách. Thư viện theo nghĩa đen là nơi tàng trữ sách báo” (3). Tuy chịu ảnh hưởng nhiều từ Trung Quốc nhưng tính hệ thống hóa, khu biệt hóa về mặt chức năng của thư viện ở Việt Nam không rõ nét. Ngoài chức năng chính là lưu trữ tài liệu, thư viện còn là nơi phục vụ cho các đối tượng có nhu cầu khai thác những tư liệu này. Tùy theo tính chất từng thư viện và mức độ phát triển trong tổ chức hoạt động thư viện mà các thư viện Việt Nam có chức năng “phục vụ” hay không. Trên cơ sở học tập cách phân loại theo thư viện học Trung Quốc (4) và tham chiếu hoàn cảnh thực tế của thư viện Việt Nam, chúng tôi chia thư viện Việt Nam thành 2 loại chính: Thư viện nhà nước và thư viện tư nhân. Trong đó, thư viện nhà nước là thư viện do nhà nước thành lập, xây dựng và quản lý (bao gồm thư viện chuyên biệt của nhà nước; thư viện của các cơ quan nhà nước như Bí thư các, Đảng các... thư viện được nhà nước thành lập ở các chùa trong giai đoạn Phật giáo là quốc giáo; thư viện trong các trường quốc học như Quốc tử giám, học đường ở các tỉnh, huyện); Thư viện tư nhân là thư viện được tư nhân thành lập, xây dựng và quản lý, không nằm trong hệ thống thư viện của nhà nước. Thư viện tư nhân Việt Nam chia thành 2 loại chính là thư viện của các cơ sở tôn giáo (chùa chiền, Đạo quán...) và của các cá nhân (thường là thư viện của những người đỗ đạt cao, có nhiều sáng tác hoặc ham mê sưu tầm tư liệu, của những dòng họ có truyền thống học hành và tàng thư, những gia đình lưu trữ thư tịch liên quan đến nghề nghiệp như thư tịch phong thủy, địa lý, y dược...) (5).

Căn cứ vào tư liệu thu thập được cũng như để độc giả tiện theo dõi chúng tôi lấy mốc thành lập triều Nguyễn (1802) để chia lịch sử thư viện công Việt Nam thành hai giai đoạn: trước triều Nguyễn (từ đời Lý đến hết thời Lê, bao gồm cả triều Tây Sơn) và triều Nguyễn.

I. TRƯỚC TRIỀU NGUYỄN

Đời Lý (1010 - 1225)

Trong giai đoạn đầu của chế độ phong kiến Việt Nam, nhà Đinh (968 - 980) và nhà Tiền Lê (980 - 1009) ngoài việc củng cố quốc phòng, phát triển kinh tế đã chú trọng giáo hóa và ra sức truyền bá đạo Phật, phát triển Đạo giáo. Có cơ sở từ trong thời kỳ Bắc thuộc với trung tâm Phật giáo Luy Lâu, tầng lớp tăng lữ Việt Nam lúc bấy giờ phát triển mạnh với số lượng đông đảo. Đây cũng chính là đội ngũ trí thức tham gia vào công việc điều hành đất nước (6), hơn nữa cũng là tầng lớp có tiếng nói quan trọng trong các quyết định của triều đình. Chùa chiền được xây dựng khắp nơi. Nam Việt vương Đinh Liễn đã cho xây 100 tòa bảo chàng (7) tại Hoa Lư. Những điều này khiến ta có thể tin rằng giai đoạn này cũng có thể có cơ sở cho sự tồn tại của những cơ sở tàng trữ thư tịch ít nhất là thư tịch Phật giáo trong các tự viện (8). Tiếc là hiện nay không còn dấu tích cũng như tài liệu nào ghi chép về những nơi như thế. Sau khi dời đô từ Hoa Lư về Thăng Long, nhà Lý đã tập trung xây dựng chính quyền phong kiến, đây chính là thời kỳ mà dấu vết của những thư viện đầu tiên được ghi chép lại.

Kho kinh Trấn Phúc: Theo *Việt sử lược* năm Tân Hợi (1011) dưới triều vua Lý Thái Tổ: “... ở trong thành xây cung Thái Thanh, chùa Vạn Tuế, nhà chứa kinh Trấn Phúc...” (9). Cũng theo *Đại Việt sử ký toàn thư* năm 1011: “... ở trong thành bên tả dựng cung

Đại Thanh, bên hữu dựng chùa Vạn Tuế, làm kho Trấn Phúc” (10). Nếu theo mạch lạc của câu văn thì kho này thuộc về chùa Vạn Tuế, có khả năng được dùng làm nơi chứa kinh sách Phật giáo như *Việt sử lược* đã chép. Chưa rõ nhà chứa kinh này chứa kinh gì và trữ lượng bao nhiêu.

Kho Đại Hưng: Sử chép, vào năm 1018 đời vua Lý Thái Tổ: “Mùa hạ, tháng 6, sai Viên ngoại lang là Nguyễn Đạo Thanh và Phạm Hạc sang nước Tống xin *Kinh Tam tạng*” (11). Sau đó hai năm đến “Mùa thu, tháng 9, Nguyễn Đạo Thanh đi sứ về, xin được *Kinh Tam tạng*; xuống chiếu cho Tăng thống là Phí Trí sang Quảng Châu đón” (12). Đến năm 1023, “Mùa thu, tháng 9, xuống chiếu chép *Kinh Tam tạng* để ở kho Đại Hưng” (13). Hiện vẫn chưa rõ địa điểm kho này ở đâu, chỉ biết nó lưu trữ bản chép lại bộ *Kinh Tam tạng* xin được từ nhà Tống.

Nhà Bát giác: Năm Tân Dậu (1021) vua Lý Thái Tổ sai “làm nhà Bát giác chứa kinh” (14). Việc này xảy ra sau khi đã đem được bộ *Kinh Tam tạng* về từ Trung Quốc. Chúng tôi cho rằng đây chính là nơi lưu trữ bộ kinh này. Sau này, bộ *Kinh Tam tạng* được chép lại, bản chép lại được giữ ở kho Đại Hưng.

Kho Trùng Hưng: Năm 1034 dưới triều vua Lý Thái Tổ, “Mùa thu, tháng 8, vua ngự đến chùa Trùng Quang núi Tiên Du, sai dựng kho Trùng Hưng [để chứa kinh]” (15). Núi Tiên Du ở huyện Tiên Du, nay thuộc huyện Tiên Du, Bắc Ninh còn có tên gọi khác là Phật Tích hoặc Lạc Kha. Ở đây, nhà Lý đã cất pho *Kinh Đại tạng*. Pho kinh này có được là do cùng năm này, vua Lý Thái Tổ đã “sai Viên ngoại lang là Hà Thụ, Đỗ Khoan đem biểu nhà Tống hai con voi thuần. Nhà Tống lấy *Kinh Đại tạng* để tạ”

(16). Đến năm 1036, “tháng 2, xuống chiếu chép *Kinh Đại tạng* cất ở kho Trùng Hưng” (17). Như vậy, kho Trùng Hưng là một bộ phận của chùa Trùng Quang, chuyên để chứa *Kinh Đại tạng* do triều đình sai người chép từ bộ kinh được nhà Tống tặng.

Kho sách của Quốc tử giám: Năm 1070, vua Lý Thánh Tông sai dựng Văn Miếu ở Thăng Long (18), đến năm 1076, vua Lý Nhân Tông “chọn quan viên văn chức, người nào biết chữ cho vào Quốc tử giám” (19). Như vậy, ít nhất là đến 1076 Quốc tử giám đã đi vào hoạt động với tư cách là trường học do nhà nước thành lập. Cùng với việc bắt đầu thi Minh kinh Bắc học và thi Tam trường vào năm 1075, việc thi cử theo lối Nho học dần dần được phổ biến. Chúng ta có cơ sở để tin rằng tại Quốc tử giám ít nhất cũng lưu trữ một số bộ kinh điển Nho học để phục vụ trực tiếp cho việc học hành và thi cử (20).

Bí thư các và Hàn lâm viện: Sử chép, năm 1086 “Mùa thu, tháng 8, thi người có văn học trong nước, sung làm quan ở Hàn lâm viện, Mạc Hiến Tích trúng tuyển, bổ làm Hàn lâm học sĩ” (21). Năm sau 1087, “Mùa xuân, tháng 3, dựng Bí thư các” (22). Đây là hai cơ quan mà các triều đại phong kiến thường tập trung giấy tờ sách vở của triều đình. Nhất là Bí thư các vốn là nơi lưu giữ các bản khắc và in sách đã được vua ngự lãm, cho phép lưu hành. Do vậy, rất có khả năng dưới thời Lý, hai nơi này cũng đã lưu trữ thư tịch.

Đời Trần (1225 - 1400)

Quốc tử viện, Quốc học viện, Quốc sử viện, Bí thư các: Tháng 10 mùa đông năm 1236, vua Trần Thái Tông “cho Phạm Ứng Thân làm Thượng thư tri Quốc tử viện, đưa con em văn thân và tụng thân vào học” (23), đến tháng 9 lại “vời nho sĩ trong nước

đến Quốc tử viện giảng Tứ thư, Lục kinh” (24). Bên cạnh Quốc tử viện là Quốc học viện được thành lập vào tháng 6 năm 1253 (25). Hai nơi này được thành lập để cho con em quý tộc triều Trần học tập. Hai cơ quan này đồng thời cũng là nơi có tàng trữ thư tịch, phần lớn là dành cho việc học tập và giảng dạy (26).

Bên cạnh hai viện này, triều Trần còn thiết lập Quốc sử viện để thúc đẩy việc biên soạn sách sử như các bộ sử ký, thực lục... (27) của triều đình và những thư tịch liên quan. Sử quan Lê Văn Hưu, người chấp bút *Đại Việt sử ký toàn thư* cũng chính là một thuộc quan của cơ quan này (28). Vì vậy, bên cạnh chức năng biên soạn, Quốc sử viện ắt cũng là nơi lưu trữ các tư liệu để viết sử.

Bí thư các dưới đời Trần tiếp tục là nơi lưu trữ các giấy tờ của triều đình. Thư tịch được biên soạn dưới triều Trần cũng đã phong phú hơn, có các trước tác ở nhiều lĩnh vực như y học, quân sự, triết học, sử học. Bí thư các đồng thời cũng là nơi nhà nước cho xuất bản hoặc tái bản những thư tịch được phép lưu hành trong cả nước.

Kho kinh ở phủ Thiên Trường: Sử chép, vào năm Ất Mùi, năm thứ 3 đời vua Trần Anh Tông, “Mùa xuân, tháng 2, ngày mồng 1, sứ Nguyên Tiêu Thái Đãng sang. Vua sai Nội viên ngoại lang Trần Khắc Dụng cùng đi theo, nhận được bộ *Kinh Đại tạng* đem về để ở phủ Thiên Trường, in bản pho để lưu hành” (29). Như vậy, vào đời Trần lại xuất hiện một cơ sở lưu trữ *Kinh Đại tạng* xin về từ Trung Quốc, hơn nữa lại in thêm bản khác để lưu hành. Có thể thấy hoạt động in ấn ở triều Trần đã có bước tiến rõ rệt. Khác với đời Lý khi đem *Kinh Đại tạng* về, chỉ cho sai chép thêm một bản cất vào kho. Dưới triều Trần, có nhiều bộ sách về

tôn giáo đã được in ấn và phát hành trong cả nước như *Phật giáo pháp sư, Đạo tràng tân văn, Công văn cách thức* (30)... Như thế, có lẽ không chỉ ở Thiên Trường - đất thưng mọc của triều Trần mà còn có những nơi lưu trữ và in ấn kinh sách khác trong cả nước.

Thư viện Hoàng gia ở núi Lạn Kha: Theo *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, phần lời chua của sử quan triều Nguyễn có chép: “Cung Bảo Hòa: ở núi Lạn Kha (nay đổi là Phật Tích), huyện Tiên Du. Theo sách *An Nam chí* của Cao Hùng Trưng đời Minh, nhà Trần có dựng ra Lạn Kha thư viện, dùng danh nho Trần Tôn làm viện trưởng, dạy các sinh đồ. Nhà vua thường đến chơi. Vậy cung Bảo Hòa là ở đó” (31). Theo *Đại Việt sử ký toàn thư* thì cũng chính tại đây vào mùa xuân tháng 2 năm 1384, thượng hoàng cho thi Thái học sinh ở chùa Vạn Phúc núi Tiên Du, cũng chính là nơi dựng Cung Bảo Hòa. Đến mùa hạ, tháng 5 lại chọn số Thái học sinh còn lại cho làm thư sử ở Cung Bảo Hòa (32). Ta có cơ sở để tin rằng Cung Bảo Hòa bấy giờ là một cung của Thái thượng hoàng triều Trần, cung này vừa là nơi thái thượng hoàng sinh hoạt vừa là một trung tâm văn hóa, nơi tổ chức thi cử lại có các bộ phận biên chép và lưu trữ sách vở. Nhất là sau sự biến năm 1371, Chiêm Thành đem quân vào cướp, tiến thẳng vào thành. “Chúng đốt trụ cung điện, nhà cửa. Thư tịch, sổ sách do vậy mà sạch không” (33). Không rõ Cung Bảo Hòa được xây dựng từ khi nào, nhưng có thể nói tại thời điểm đó, đây là nơi còn lưu trữ được thư tịch của dân tộc. Chính ở đây, vào tháng 12 năm Quý Hợi (1383) thái thượng hoàng nhà Trần đã ở đây, sai Thiêm tri Nội mật viện sự Nguyễn Mậu Tiên, Lang trung Bộ Lễ là Phan Nghĩa và gia thân Vũ Hiến hầu ở Tiên Du

thay phiên nhau châu chực. Ban cho ăn và hỏi các việc cũ, ghi chép từng ngày, biên soạn thành 8 quyển, đầu đề là *Bảo Hòa dư bút* (sách này còn được biết đến với tên *Bảo Hòa điện dư bút*) gồm 8 quyển, sách do Đào Su Tích đề tựa ở đầu sách. Sách được làm ra để dạy bảo Quan gia (tức đương kim hoàng thượng).

Đời Lê (1428 - 1778)

Quốc tử giám, Sử quán, Bí thư sảnh, Đông các: Quốc tử giám vốn vẫn là nơi tập trung sách vở dành cho việc giảng tập, đồng thời cũng là nơi lưu giữ ván in sách để cấp phát cho các trường học ở cấp phủ, cấp huyện... Như năm 1467: "Ban cấp bản in sách *Ngũ kinh* của nhà nước cho Quốc tử giám, theo lời tâu của Bí thư giám học sĩ Vũ Vinh Trinh" (34). Cùng với sự quan tâm tới học tập và thi cử dưới thời Lê mà quy mô của Quốc tử giám ngày càng được mở rộng, các định lệ về hoạt động ngày càng đầy đủ và chặt chẽ hơn. Cũng theo đó, số lượng sách và ván in ngày càng nhiều lên. Nếu như vào đầu triều Lê, nhà Thái học vẫn theo quy mô cũ và còn thiếu thốn nhiều thì vào năm Quý Mão (1483) vua Lê Thánh Tông cho sửa rộng thêm ra và "đặt thêm kho Bí thư để chứa ván gỗ đã khắc thành sách" (35). Hiện chưa rõ số sách được lưu trữ tại đây.

Sử quán là cơ quan đặc biệt phát triển dưới thời Lê. Sử quán tập hợp đội ngũ những bậc đại khoa, nhà bác học của triều đình để thực hiện công việc trước tác quốc sử này. Nơi đây vừa là nơi ghi chép những diễn biến của triều đại đương quyền, nơi biên soạn sách sử, vừa là nơi lưu trữ các tài liệu liên quan dùng để làm căn cứ biên soạn sử. Không ngoại trừ, bên cạnh Quốc tử giám, Sử quán cũng là một cơ sở in ấn sách của triều đình. Các bộ sử được liên tục

biên soạn, có thể kể đến: năm 1479, vua "Sai Sử quán Tu soạn Ngô Sĩ Liên soạn bộ *Đại Việt sử ký toàn thư* 15 quyển" (36) và khi bộ sử này làm xong nó đã được lưu trữ ở nơi đây năm 1483 vua ra sắc dụ cho Thân Nhân Trung, Quách Đình Bảo, Đỗ Nhuận, Hiệu thư Đào Cừ, Đàm Văn Lễ biên soạn các sách *Thiên Nam dư hạ tập* và *Thần chinh ký sự* (37); năm 1511, Vũ Quỳnh dâng bộ *Đại Việt thông giám thông khảo* chép tường tận theo lối kỷ niên các triều đại gồm 26 quyển (38); năm 1519, vua sai Đặng Minh Khiêm biên soạn *Đại Việt lịch đại sử ký* (39)... Từ đó, có thể hình dung được rằng số lượng sách được lưu trữ ở đây là không nhỏ.

Bí thư sảnh nối tiếp Bí thư các những đời trước. Chức năng đầu tiên của Bí thư sảnh triều Lê là nơi lưu trữ thư tịch của triều đình và do triều đình sưu tầm được. Trong niên hiệu Quang Thuận (1460 - 1489) vua Lê Thánh Tông đã nhiều lần ra những lệnh sưu tầm sách vở như lệnh năm 1467 "Ra lệnh tìm kiếm những di cảo thơ văn của cố Hàn lâm Thừa chỉ Học sĩ Nguyễn Trãi" (40); chiếu tìm kiếm dã sử và các truyện ký xưa nay do các nhà tu nhân cất giữ (41). Khoảng trong những năm niên hiệu Hồng Đức (1470 - 1497) vua lại hạ chiếu cầu những sách còn sót lại đem chừa cất ở Bí các. Trong dịp này có người đem dâng những sách lạ, sách bí truyền, đều được khen thưởng nhiều. Do đó, các sách của đời trước cũng dần dần được đưa ra (42). Sử cũng đã chép về việc các vua đời Lê thường vào đây để xem sách, như vua Nhân Tông, vào Bí thư các xem sách vở, thấy các bản sách của Úc Trai còn sót lại (43). Chức năng thứ 2 của Bí thư các là nơi lưu trữ sách sử do triều đình biên soạn: Trong khoảng năm 1533 - 1662, bộ *Bản kỷ tục biên* do Phạm Công Trứ cùng các tế

thần tham khảo sử cũ để biên soạn đã được cho khắc in, còn sách thì cất giữ ở nơi đây (44) hoặc là nơi nhân bản thư tịch như khi Vũ Quỳnh dâng *Việt giám thông khảo* lên, vua Lê Tương Dực đã khen là không việc gì là không chép hết và “lại sai bọn Bí thư giám là bọn Hoàng Khu sao chép ra một bản nữa, để truyền lại lâu dài” (45).

Đông các cũng là nơi chứa thư tịch của triều đình. Đơn cử như những sách sưu tầm được trong dân gian vào khoảng niên hiệu Hồng Đức đã được đưa vào Đông các cất giữ (theo lời sử gia Ngô Sĩ Liên (46)). Đồng thời, các Nho thần ở Đông các cũng tham gia tích cực vào việc biên soạn các bộ sách lớn của triều đình, có người còn được vua ban cho sách, như năm 1496, Đào Cử được sung làm Hàn lâm viện Thị giảng Đông các Học sĩ được vua ban cho một bộ *Thiên nam dư hạ tập* (47).

Thư viện Bồng Lai: Theo *Thượng kinh phong vật chí* (48) thì tại Thành Thăng Long, đời Lê có thư viện gọi là Thư viện Bồng Lai. Hiện chưa rõ cách thức tổ chức và chủng loại thư tịch được lưu trữ ở đây.

Dưới triều Lê, số lượng thư tịch của dân tộc tăng lên về số lượng, các bộ sách lớn được biên soạn, khắc in và lưu hành. Nhiều bản in các sách được thực hiện, kể cả sách của Trung Quốc như năm 1435 hoàn thành ván khắc mới sách *Tứ thư đại toàn* (49)... Hàng năm, số lượng sách công ban xuống các phủ không phải là ít, như các sách “*Tứ thư, Ngũ kinh, Đẳng khoa lục, Hội thí lục, Ngọc đường văn phạm, Văn hiến thông khảo, Cương mục* cùng các loại sách thuộc” (50). Đó là chưa kể đến việc triều đình liên tục ban hành các sách do triều đình biên soạn trong cả nước, đặc biệt là các điều luật, quy định mới... như năm 1511, triều đình ban sách *Trị bình bảo phạm* cho cả nước, gồm 50 điều (51). Đây là cơ sở để ta

có thể tin rằng dưới triều Lê có không ít các trung tâm lưu trữ hoặc thư viện lớn của nhà nước, ngoài ra còn có các cơ sở in ấn, nhân bản. Đời Mạc cũng có nhiều cố gắng trong việc thu thập sách vở (52) nhưng tiếc là sau nhiều sự biến và loạn lạc mà số sách còn lại ngày nay không được bao nhiêu.

Đời Tây Sơn (1778 - 1802)

Theo sách *La Sơn phu tử* (53), thư viện Sùng Chính được thành lập năm Quang Trung thứ 4 (1791) tại làng Nam Hoa (nay là Nam Kim, Thanh Chương, Nghệ An) do Nguyễn Thiếp làm Viện trưởng. Đây vừa là nơi để sách, vừa là nơi dịch chú các sách kinh điển chữ Hán do các nhà Nho dưới sự chỉ đạo của Nguyễn Thiếp đảm nhiệm. Trong một thời gian ngắn, nơi đây đã dịch chú được một số tác phẩm kinh điển của Nho gia sang chữ Nôm. Hiện chưa rõ số lượng sách tàng trữ.

Thư viện Việt Nam được hình thành từ thời nhà Lý và phát triển qua các triều Trần, Lê, Tây Sơn dưới nhiều dạng thức khác nhau (các kho kinh ở chùa, thư viện trong các cơ quan nhà nước, thư viện độc lập...), ở các trình độ và tính chuyên biệt về chức năng khác nhau. Để nhận thấy rằng từ chỗ có kho chỉ lưu giữ một bộ kinh (kho Trần Phúc, nhà Bát giác...) thì càng về sau số lượng thư tịch trong các thư viện dần tăng lên, có nhiều chủng loại đa dạng hơn. Những thư viện này là tiền đề để đến thời Nguyễn, các thư viện lớn của nhà nước có tính chuyên biệt hóa cao hơn được xây dựng, thư tịch được thu thập từ các triều đại trước đó cũng là cơ sở để hình thành kho thư tịch phong phú sau này.

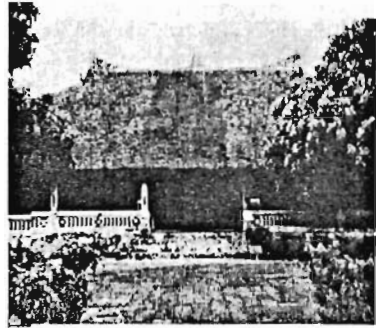
II. Triều Nguyễn

Triều Nguyễn, một mặt đã kế thừa truyền thống sưu tầm, thu thập và tàng trữ thư tịch của các triều đại trước, mặt khác

đã nỗ lực xây dựng nhiều thư viện lớn nhằm lưu trữ thư tịch và quản lý thư tịch ngày một có tính chuyên nghiệp hơn. Từ khi lập nước năm 1802 đến lúc cáo chung năm 1945 nhà Nguyễn đã xây dựng được 5 nhóm thư viện chính là Thư viện Quốc sử quán, lầu Tàng thư, Thư viện Đông các (bao gồm Thư viện Tự Khuê), Tân thư viện (sau là Thư viện Bảo Đại), Cổ học viện.

Thư viện Quốc sử quán (1821 - 1945)

Tiền thân của Quốc sử quán triều Nguyễn là Sử cục. Chưa rõ hoạt động của Sử cục bắt đầu từ năm nào nhưng ngay từ khi lên ngôi vua Gia Long đã ban hành hai tờ chiếu kêu gọi toàn dân dâng nộp những tài liệu đã ghi chép về lịch sử đất nước trong mấy chục năm trước đó cho triều đình tham khảo để biên soạn những công trình về lịch sử. Năm 1811, vua Gia Long đã xuống chiếu cho các trấn từ Quảng Bình trở vào: “Đặt chiếu cho các sĩ dân từ năm Quý Tỵ trở về sau, năm Nhâm Tuất trở về trước, phàm những việc quan hệ đến việc nước, ai hay biên chép thành quyển đưa nộp quan sở tại, các cụ già ai hay nhớ việc cũ thì được quan sở tại mời đến hỏi, ghi chép chuyên tâm, lời nói nào ghi được vào sử sẽ có thưởng, thẳng có can phạm hủ cũng không bắt tội” (54). Vào tháng 8 năm 1811 dưới thời Gia Long (1802 - 1819), triều đình đã “bàn soạn *Quốc triều thực lục*” (55). Phạm Thích, Nguyễn Đường, Trần Toàn được điều về kinh, sung chức Biên tu ở Sử cục. Rồi vào tháng 1 năm 1812, một văn thần trong triều là Võ Trinh dâng lên cho vua xem một bản phàm lệ về việc soạn sử. Vua liền cử Nguyễn Văn Thành sung chức Tổng tài và Phạm Như Đăng làm Phó Tổng tài trong việc biên soạn *Quốc triều thực lục* (56). Hơn nửa năm sau, Nguyễn Văn Thành “xin kén thêm nho thần để sung Sử cục... Vua khen và nhận”

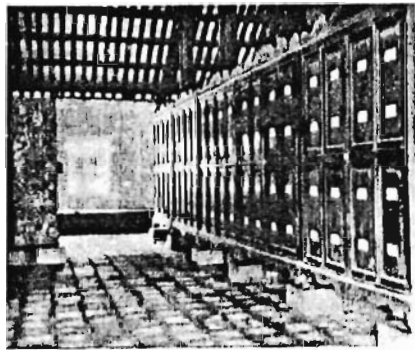


Ảnh 1: Mặt trước Quốc sử quán năm 1942

Nguồn: Paul BOUDET, *Les Archives des Empereurs D'Annam et l'Histoire Annamite*, BAVH

(57). Nhưng, sau vụ án Nguyễn Văn Thành kéo dài một năm rưỡi đưa đến việc ông tự sát vào tháng 6 năm 1817, chắc hẳn công tác soạn sử nói trên chưa đạt được kết quả cụ thể nào, nếu có thì cũng chỉ đang ở trong giai đoạn chuẩn bị “mà chưa kịp biên chép” như vua Minh Mệnh cho biết sau đó.

Năm mới lên ngôi (1820), vua Minh Mệnh ban hành một tờ chiếu và một tờ dụ nói về việc sưu tầm tư liệu và việc xây dựng Quốc sử quán. Trong tờ chiếu gửi đến toàn



Ảnh 2: Các tủ đựng sách của Quốc sử quán năm 1942

Nguồn: Paul BOUDET, *Les Archives des Empereurs D'Annam et l'Histoire Annamite*, BAVH

dân, nhà vua nói đến sự cần thiết phải viết sử thời các chúa Nguyễn: đại khái tương tự nội dung hai tờ chiếu mà vua Gia Long đã ban hành năm 1811. Tờ dụ ấy ban hành vào tháng 7 năm 1820 và trụ sở làm việc của Quốc sử quán được “xây đắp hơn 1 tháng thì xong” (58), nghĩa là hoàn thành vào tháng 8 năm 1820. Về địa điểm tọa lạc của Quốc sử quán, nếu *Minh Mệnh chính yếu* chỉ nói là “bên tả trong Kinh thành” thì *Đại Nam nhất thống chí* cho biết rõ hơn, là “ở phường Phú Văn trong kinh thành” (59). Nó nằm ở phường Trung Hậu vào nửa đầu thế kỷ XX thuộc địa phận phường Thuận Thành ngày nay (60).

Thời điểm mở cửa chính thức để bắt đầu làm việc tại đây là ngày 5 tháng 6 năm 1821. Hôm đó, triều đình đã cử hành một cuộc lễ khai trương hết sức trọng thể tại Điện Cần Chánh và tại chính cơ quan trước tác này (61). Quốc sử quán hoạt động từ thời điểm này cho đến năm 1945. 16 năm sau (tháng 10 năm 1857), dưới thời Tự Đức (10), vì số lượng công trình được biên soạn và khắc in xong đã khá nhiều, triều đình cho làm thêm nhà chứa ván in ở cục in sách tại Sử quán. Tầng trên lát ván, đem ván in các tập thơ văn vua làm ra và bộ *Khâm định tiểu bình Nam Bắc kỳ phương lược* để ở hai bên tả hữu, lại đem ván in hai pho *Thông giám, Uyên giám* mới (do Hải Dương, Sơn Tây dâng nộp) để ở tầng dưới để tiện in ra” gọi là Tầng Bản dương, ở sau lưng tòa nhà chính. Vào tháng 2 năm 1884, triều đình còn cho dựng thêm một dãy nhà ngoài 7 gian 2 chái ở phía đông tòa nhà chính để làm nơi biên soạn *Đại Nam Thực lục chính biên đệ tứ kỷ* (62).

Dưới thời Thành Thái (1889 - 1907), một số tòa nhà phụ được tu sửa; năm 1890, tu bổ nhà Tả quan cư và làm thêm các tủ gỗ

son son để cất giữ sử sách và tư liệu; năm 1902, tu bổ nhà chính và một số nhà phụ khác. Đến năm 1942, qua những bức ảnh do Paul Boudet chụp, tòa nhà chính và những tủ sách ở đây vẫn còn hầu như nguyên vẹn (63). Bấy giờ một số Nho thân đồ cử nhân và tiến sĩ trong những khoa thi chữ Hán cuối cùng và một số thợ khắc chữ vẫn còn làm việc tại Quốc sử quán. Mãi đến tháng 8 năm 1945, cơ quan này mới ngưng hoạt động cùng lúc với sự cáo chung của triều Nguyễn.

Quốc sử quán được hoạt động với hai chức năng chính. Một là biên soạn quốc sử. Muốn viết, các sử quan phải có tư liệu trong tay. Vua Minh Mệnh cũng đã ban hành một tờ dụ cho các quan sở tại các địa phương góp nhặt sách cũ để dâng lên. Vua Tự Đức cũng đánh giá rất cao việc biên soạn sử. Năm 1858, vua Tự Đức đã ra chỉ dụ về vấn đề này: “Việc làm sử là việc rất lớn, vì rằng phải kê cứu việc đời xưa chép thành sách sử, vừa ngụ ý khuyên răn, cho nên về phần lý và thể lại phải tinh tường mà xác đáng, việc ghi chép hay bỏ bớt đi phải nghiêm chỉnh, công bằng” (64).

Do đó, triều đình đã tập trung tại đây một khối lượng sử liệu khá lớn sưu tầm được khắp trong nước do các triều đại trước để lại, và rất nhiều văn kiện hành chính quốc gia, nhất là các châu bản và các văn bản ngoại giao từ Nội các ở trong Tử Cấm Thành chuyển ra. Đây chính là chất liệu để các sử quan nơi đây biên soạn nên những bộ sử lớn như hiện nay chúng ta biết. Các tư liệu này được đặt trong những tủ được làm theo qui cách như sau: “Tủ để sách cũng nên theo đúng kiểu trước chế tạo 10 chiếc, chu vi đều có con song để thoáng hơi, mỗi phần chia làm 3 ngăn, ngăn thứ 1 chia làm 2 cửa, ngăn 2 chia làm 3 cửa, ngăn 3 chia 2 cửa cũng nên làm con song, cửa nào cũng có ổ khóa...” (65).

Bên cạnh đó, Quốc sử quán còn tổ chức in ấn, phân phối, lưu chiếu các ấn phẩm (chủ yếu là những bộ sử lớn do cơ quan này biên soạn) và lưu trữ những tài liệu tham khảo cũng như các bản in gỗ. Do có thêm chức năng thứ hai này mà năm Thiệu Trị thứ 1 (1841) Thư viện Quốc sử quán được thành lập và hoạt động dưới sự quản lý của một chức quan do triều đình bổ nhiệm là Thư trưởng 長 (tức Quản thủ thư viện). Có thể thấy, chức năng của thư

viện Sử quán là phục vụ trực tiếp cho các sử gia chuyên nghiệp của triều đình. Mãi đến năm 1942, Paul Boudet (một nhà lưu trữ học - cổ tự học người Pháp) vẫn còn đọc được tại Thư viện Sử quán nhiều tư liệu gốc viết tay rất quý hiếm từ thời các chúa Nguyễn (1558 - 1775) và thời các vua đầu triều Nguyễn để lại. Đến năm 1951 Viện Văn hóa Trung phần ở Huế vẫn giữ được 31.690 mộc bản. Giữa các trang có đóng dấu giáp lai của Sử quán.

CHÚ THÍCH

(1). Thực vi văn hiến chi bang: Thực là một nước văn hiến. Trích *Bình Ngô đại cáo*, Nguyễn Trãi.

(2). Đặng Hồng Ba, *Trung Quốc thư viện sử*, Trung Quốc Xuất bản tập đoàn - Đông Phương xuất bản trung tâm, Thượng Hải, 2006, tr. 1-2. Nguyên văn:

“院是新生于唐代的中国士人文化教育组织，它源自民间和官府，是书籍大量流通于社会之后，数量不断增长的读书人，围绕著书开展，包括藏书，校书，修书，著书，刻书，读书，教书等活动，进行文化积累，研究，创造，传播的必然结果”。

(3). Chuyển dẫn theo Phan Văn, *Giáo trình thư viện học đại cương*, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội xuất bản, Hà Nội, 1983, tr. 13.

(4). Xin xem thêm trong *Trung Quốc thư viện sử*, sách đã dẫn (sdd).

(5). Dương Bích Hồng trong *Lịch sử sự nghiệp thư viện Việt Nam trong tiến trình văn hóa dân tộc*, Vụ Thư viện - Bộ Văn hóa Thông tin xuất bản, Hà Nội, 1999, tr. 46 - 68, chia thư viện Việt Nam thành 3 loại: thư viện nhà nước, thư viện trong các chùa chiền, tủ sách và thư viện tư nhân. Chúng tôi trong bài viết này cho rằng thư viện trong các chùa chiền (trừ những thư viện do nhà nước thành lập lấy chùa chiền làm địa điểm lưu trữ) cũng là một dạng của thư viện tư nhân, nghĩa là không do nhà nước trực tiếp xây dựng, thành lập và quản lý.

(6). *Đại Việt sử ký toàn thư*, Bản in Nội các quan bản. Mộc bản khắc năm Chính Hòa thứ 18 (1697), Bản dịch của Ngô Đức Thọ và Hoàng Văn Lâu, Phan Huy Lê hiệu đính, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, 4 tập, tập 1, tr. 212: “Tân Mùi, [Thái Bình] năm thứ 2 [971]. Bắt đầu quy định cấp bạc văn võ, tăng đạo... Tăng thống Ngô Chân Lưu được ban hiệu là Khuông Việt đại sư, Trương Ma Ni làm Tăng lục, Đạo sĩ Đặng Huyền Quang được trao chức Sùng chân uy nghi”.

(7). Theo *Phật đình tôn thặng gia cú linh nghiệm Đà la ni*, Phan Văn Các, Claudine Salmon (chủ biên), *Văn khắc Hán Nôm Việt Nam*, tập 1: *Từ Bắc thuộc đến thời Lý*, École française d'Extrême - Orient và Viện Nghiên cứu Hán Nôm xuất bản, Paris - Hà Nội, 1998, tr. 54 - 56.

(8). *Đại Việt sử ký toàn thư*, sdd, tập 1, tr. 235: “Mùa xuân Minh Xương ở Tống về, xin được kinh *Đại tạng*”.

(9). Khuyết danh, *Việt sử lược*, Trần Quốc Vượng (phiên dịch và chú giải), Đinh Khắc Thuân (đổi chiếu, chỉnh lý), Nxb. Thuận Hóa và Trung tâm Văn hóa Ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội, 2005, tr. 75.

(10). *Đại Việt sử ký toàn thư*, sdd, tập 1, tr. 242.

(11). *Đại Việt sử ký toàn thư*, sdd, tập 1, tr. 246.

- (12). *Đại Việt sử ký toàn thư*, sdd, tập 1, tr. 246.
- (13). *Đại Việt sử ký toàn thư*, sdd, tập 1, tr. 247.
- (14). *Đại Việt sử ký toàn thư*, sdd, tập 1, tr. 247.
- (15). *Đại Việt sử ký toàn thư*, sdd, tập 1, tr. 256.
- (16). *Đại Việt sử ký toàn thư*, sdd, tập 1, tr. 257.
- (17). *Đại Việt sử ký toàn thư*, sdd, tập 1, tr. 258.
- (18). *Đại Việt sử ký toàn thư*, sdd, tập 1, tr. 275: "Mùa thu, tháng 8, làm Văn Miếu Hoàng Thái tử đến học ở đây".
- (19). *Đại Việt sử ký toàn thư*, sdd, tập 1, tr. 280.
- (20). Tác giả Phan Văn trong *Giáo trình thư viện học đại cương*, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội xuất bản, Hà Nội, 1983, tr. 20 có viết: "Năm 1076, nhà vua mở Quốc tử giám để chăm lo giảng thuật Nho giáo, các sách giáo khoa được phổ biến rộng rãi và nhập vào thư viện càng nhiều. Do đó, ngoài những kho sách tàng kinh đã có, một thư viện đúng với nội dung của nó đã được xây dựng bên cạnh Quốc tử giám (1078)". Chúng tôi chưa tìm được tài liệu gốc của thông tin này nên đưa vào đây để tiện tham khảo.
- (21). *Đại Việt sử ký toàn thư*, sdd, tập 1, tr. 281.
- (22). *Đại Việt sử ký toàn thư*, sdd, tập 1, tr. 282.
- (23). *Đại Việt sử ký toàn thư*, sdd, tập 2, tr. 15.
- (24). *Đại Việt sử ký toàn thư*, sdd, tập 2, tr. 25.
- (25). *Đại Việt sử ký toàn thư*, sdd, tập 2, tr. 25.
- (26). Tác giả Phan Văn trong *Giáo trình thư viện học đại cương*, sdd, tr. 20: "Năm 1253, Quốc học viện được thành lập, để cho các Nho sinh học tập, có kho chứa sách, phòng đọc sách, có thầy giảng dạy, có nơi để học sinh lưu trú".
- (27). Có thể kể đến các bộ như *Trung hưng thực lục*, *Hoàng triều Đại điển*, *Hình thư*, *Đại Việt sử ký*... Hiện đều đã mất.
- (28). *Đại Việt sử ký toàn thư*, sdd, tập 2, tr. 38: "... Hàn lâm viện Học sĩ kiêm Quốc sử viện giám tu Lê Văn Hưu vâng sắc chỉ soạn xong bộ *Đại Việt sử ký* từ Triệu Vũ đế đến Lý Chiêu Hoàng, gồm 30 quyển dâng lên...".
- (29). *Đại Việt sử ký toàn thư*, sdd, tập 2, tr. 73.
- (30). *Đại Việt sử ký toàn thư*, sdd, tập 2, tr. 78.
- (31). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, Bản dịch của Viện Sử học, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, 2 tập, tập 1, tr. 669.
- (32). *Đại Việt sử ký toàn thư*, sdd, tập 2, tr. 169 - 170.
- (33). *Đại Việt sử ký toàn thư*, sdd, tập 2, tr. 154.
- (34). *Đại Việt sử ký toàn thư*, sdd, tập 2, tr. 419.
- (35). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Bản dịch của Viện Sử học, Nxb. Khoa học xã hội, 36 tập, tập 1, tr. 1161.
- (36). *Đại Việt sử ký toàn thư*, sdd, tập 2, tr. 473.
- (37). *Đại Việt sử ký toàn thư*, sdd, tập 2, tr. 516.
- (38). *Đại Việt sử ký toàn thư*, sdd, tập 3, tr. 58.
- (39). *Đại Việt sử ký toàn thư*, sdd, tập 3, tr. 93.
- (40). *Đại Việt sử ký toàn thư*, sdd, tập 2, tr. 416.
- (41). *Đại Việt sử ký toàn thư*, sdd, tập 1, tr. 100.
- (42). Lê Quý Đôn, *Đại Việt thông sử*, Bản dịch của Viện Sử học, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1978, *Bài tựa Nghệ văn chí*, tr. 101.
- (43). Theo *Dư địa chí thông luận*, bài của Lý Tử Tấn chép ở phần đầu sách *Dư địa chí, ức Trai tập*. Chuyển dẫn theo Trần Văn Giáp, *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm - nguồn tư liệu văn học, sử học Việt Nam*, tập 1: Thư viện Quốc gia xuất bản, Hà Nội, 1970, tr. 48.
- (44). *Đại Việt sử ký toàn thư*, sdd, tập 1, tr. 93: "... đặt tên là *Bản kỷ tục biên*, giao cho khắc in,

mười phần mới chừng được năm, sáu. Nhưng công việc chưa xong, sách còn giữ ở Bí các”.

(45). Theo *Việt giám thông khảo tổng luận* của Lê Tung, chuyển dẫn theo bản dịch của Trần Văn Giáp, *Tim hiểu kho sách Hán Nôm*, sdd, tập 1, tr. 64.

(46). *Đại Việt sử ký toàn thư*, sdd, tập 1, tr. 100.

(47). *Đại Việt sử ký toàn thư*, sdd, tập 2, tr. 516.

(48). Chuyển dẫn theo Trần Văn Giáp, *Tim hiểu kho sách Hán Nôm*, sdd, tập 1, tr. 14.

(49). *Đại Việt sử ký toàn thư*, sdd, tập 2, tr. 335.

(50). *Đại Việt sử ký toàn thư*, sdd, tập 2, tr. 490.

(51). *Đại Việt sử ký toàn thư*, sdd, tập 3, tr. 58.

(52). Theo Lê Quý Đôn trong bài tựa sách *Nghệ vấn chí*, *Đại Việt thông sử*, sdd, tr. 101: “Đến đời Ngụy Mạc, dần dần những sách vở ấy cũng được thu thập biên chép lại.” (“Sách vở ấy” ở đây là những thư tịch tài liệu bị rơi vãi trong loạn Trần Cao năm 1516).

(53). Chuyển dẫn theo Trần Nghĩa, *Di sản Hán Nôm Việt Nam thư mục để yếu*, Trần Nghĩa, & Francois (chủ biên), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1993, tập 1, bài *Dẫn luận*, tr. 19: *La Sơn phu tử*, Nxb. Minh Tân, 1952, tr. 148.

(54). *Đại Nam thực lục*, sdd, tập 4, tr. 921.

(55). *Đại Nam thực lục*, sdd, tập 4, tr. 120.

(56). *Đại Nam thực lục*, sdd, tập 4, tr. 138.

(57). *Đại Nam thực lục*, sdd, tập 4, tr. 157.

(58). *Đại Nam thực lục*, sdd, tập 5, tr. 207.

(59). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, Bản dịch của Phạm Trọng Diễm, hiệu đính Đào Duy Anh, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Sử học - Nxb. Thuận Hóa.

(60). Địa điểm Quốc sử quán xưa nằm trong khuôn viên trường Trung học Nguyễn Huệ ngày nay. Tại đây, còn lại cái giếng xưa, di tích cuối cùng của Quốc sử quán. Con đường chạy ngang trước mặt nó được đặt tên là đường Sử quán từ những năm đầu thập niên 1940, nay đổi tên thành đường Ngô Sĩ Liên.

(61). Nội các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam Hội điển sự lệ* (chính biên), Bản dịch của Viện Sử học, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1993, 15 tập., tập 8, tr. 107 - 109.

(62). *Đại Nam thực lục*, sdd, tập 36, tr. 81.

(63). Paul Boudet, *Les Archives des Empereurs d'Annam et l'histoire annamite*, *Bulletin des Amis du Vieux Huế*, XXIX Année, N°3, 1942, tr. 229 - 259, tranh tr. XLII - XLIII.

(64). *Đại Nam thực lục*, sdd, tập 4, tr. 121.

(65). *Hội điển tục biên*, *Khảo cổ tập san*, Sài Gòn, số 4 năm 1966, tr. 111, 113. Chuyển dẫn theo Phan Thuận An, *Quốc sử quán triều Nguyễn và giá trị của nó trong nền học thuật Việt Nam*, (Tạp chí Nghiên cứu và phát triển) *Tuyển tập những bài nghiên cứu về triều Nguyễn*, Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường Thừa Thiên Huế & Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế xuất bản, 2002, 739 tr., tr. 219.